

Bản án số: 125/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Tân;
2. Bà Nguyễn Thị Thu;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thoại Yến Nhi – Thư ký viên.

Đại diện VKSND khu vực 6 – Đồng Nai: không tham dự.

Ngày 17/7/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2026/TLST- HNGĐ ngày 28/4/2026, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Quốc D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số F N, phường T, thành phố Đ.

- Bị đơn: Bà Nông Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp Đ (nay là ấp L), xã X, thành phố Đ.

(Ông D, bà T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2026 và các bản tự khai, nguyên đơn ông Lê Quốc D trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, vào năm 2015 ông và bà T tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, thành phố Đ).

Cuộc sống ngọt ngào, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Ông D nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà Nông Thị T.

Vợ chồng có 03 con chung là cháu **Lê Quốc T1**, sinh ngày 15/5/2015; cháu **Lê Trà M**, sinh ngày 01/4/2017 và cháu **Lê Khánh V**, sinh ngày 27/6/2021; Khi ly hôn, ông đề nghị được nuôi cháu **Lê Quốc T1** và cháu **Lê Trà M**; Giao cháu **Lê Khánh V** cho bà **T** nuôi dưỡng; Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có.

Ông có đơn đề nghị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc và đề nghị vắng mặt, không tham dự phiên tòa.

* Tại bản tự khai ngày 26/6/2026, bị đơn bà **Nông Thị T** trình bày:

Quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì bà thống nhất với lời trình bày của ông **Lê Quốc D**. Nay ông **D** làm đơn xin ly hôn với bà thì bà đồng ý. Bà đồng ý nuôi dưỡng cháu **Lê Khánh V**, sinh ngày 27/6/2021 và giao cháu **Lê Quốc T1**, sinh ngày 15/5/2015 và cháu **Lê Trà M**, sinh ngày 01/4/2017 cho ông **D** nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai; tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Bà có đơn đề nghị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc và đề nghị vắng mặt, không tham dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông **Lê Quốc D** có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn và con chung với bà **Nông Thị T**, cư trú tại: **ấp Đ (nay là ấp L), xã X, thành phố Đ**. Như vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai theo Điều 35 BLTTDS.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông **Lê Quốc D** là nguyên đơn, bà **Nông Thị T** là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ông **D** và bà **T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt ông **D**, bà **T** là phù hợp.

[4] Xét lời trình bày của các đương sự nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Quốc D** và bà **Nông Thị T** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/3/2015 tại **Ủy ban nhân dân xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, thành phố Đ)**. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp thường xuyên xảy ra cãi vã.

Hai vợ chồng đã nhiều lần tìm cách để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Ông **D** có yêu cầu ly hôn và bà **T** cũng đồng ý. Nghĩ đây là sự tự nguyện của đôi bên nên ghi nhận, cho ông **D** ly hôn với bà **T** là phù hợp.

- Về con chung: ông **D** và bà **T** thống nhất giao 02 con chung là cháu **Lê Quốc T1**, sinh ngày 15/5/2015 và cháu **Lê Trà M**, sinh ngày 01/4/2017 cho ông **Lê Quốc D** nuôi dưỡng; giao cháu **Lê Khánh V**, sinh ngày 27/6/2021 cho bà **T** nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của ông bà cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Do đó, giao cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng nuôi cháu **V** và giao cháu **T1**, cháu **M** cho ông **D** trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Do ông **D**, bà **T** đều không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời ông **D**, bà **T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận nên không giải quyết.

- Về nợ chung: Theo ông **D** và bà **T** là không có và cũng không có ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Ông **D** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông nộp tại Thi hành **án dân sự tỉnh Đ** (nay là **thành phố Đ**) theo biên lai thu tiền số 0009668 ngày 24/4/2026 thành án phí. Ông **D** đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật TTDS;

Căn cứ điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Lê Quốc D**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông **Lê Quốc D** được ly hôn với bà **Nông Thị T**.

2. Về con chung:

- Giao cháu **Lê Quốc T1**, sinh ngày 15/5/2015 và cháu **Lê Trà M**, sinh ngày 01/4/2017 cho ông **D** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Giao cháu **Lê Khánh V**, sinh ngày 27/6/2021 cho bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm thời ông **D**, bà **T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Khi cần thiết, ông **D** và bà **T** được quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: theo ông **D** và bà **T** khai không có và cũng không có ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Ông **D** nộp 300.000 đồng án phí LHST. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông đã nộp tại biên lai số 0009668 ngày 24/4/2026 của Thi hành án dân sự **tỉnh Đồng Nai (thành phố Đ)** thành án phí. Ông **D** đã nộp đủ án phí.

Báo cho ông **D**, bà **T** biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- VKSND KV6 – Đồng Nai;
- Phòng THA DS thành phố Đồng Nai;
- UBND xã Xuân Phú;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tùng